TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN PHÚ** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 430/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 6 - 2025
V/v: "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Hoàng Lâm.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Tấn Đức
2. Bà Hoàng Thanh Hương

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Tường Vi - Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà*:* Bà Phạm Thị Diệu Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 738/2024/HNST ngày 01 tháng 10 năm 2024 về: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 589/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 823/2025/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Trọng Q, sinh ngày: 06/01/1986; Căn cước công dân số 046086000211 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/01/2022.

Địa chỉ: B Đường D, phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh – Có đơn xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Trịnh Thị Q1, sinh ngày: 13/01/1985; Căn cước công dân số 024185001369 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/01/2022.

Địa chỉ: B Đường D, phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Lê Trọng Q trình bày:

Ông Q và bà Q1 tự nguyện yêu thương, chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn số 47 (2010), quyển số 01/2009, do Ủy ban nhân dân phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/03/2010.

Sau khi kết hôn, ông và bà Q1 chung sống với nhau hạnh phúc. Sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cải vã, xung đột kéo dài làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng. Từ cuối năm 2020, ông Q và bà Q1 đã ly thân, ông và bà Q1 cố gắng hàn gắn nhưng đều không có kết quả. Nay nhận thấy tình cảm không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Q yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Trịnh Thị Q1.

Về con chung: Ông Q xác định có 03 con chung tên Lê Thị Diễm Q2, sinh ngày 21/02/2011; Lê Thị Hương G, sinh ngày 26/07/2012; Lê Trịnh Quốc Đ, sinh ngày 29/09/2020. Khi ly hôn, ông Q yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung. Ông Q không yêu cầu bà Q1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Q xác định không có.

Bị đơn bà Trịnh Thị Q1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú có ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Đương sự, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đều tuân thủ theo qui định của pháp luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ lời trình bày của ông Q cùng tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa hôm nay, nhận thấy quan hệ hôn nhân của ông Q và bà Q1 là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống hôn nhân giữa ông Q và bà Q1 không còn hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên cãi vã. Vợ chồng đã cố hàn gắn nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Q.

Về con chung: Giao 03 con chung tên Lê Thị Diễm Q2, sinh ngày 21/02/2011; Lê Thị Hương G, sinh ngày 26/07/2012; Lê Trịnh Quốc Đ, sinh ngày 29/09/2020 cho ông Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với bà Q1 do ông Q không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 47 (2010), quyển số 01/2009 do Ủy ban nhân dân phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/3/2010 thì quan hệ hôn nhân giữa ông Lê Trọng Q và bà Trịnh Thị Q1 là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Bà Trịnh Thị Q1 có nơi cư trú tại quận T. Toà án nhân dân quận Tân Phú thụ lý giải quyết là phù hợp với khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về thủ tục tố tụng:

Ông Lê Trọng Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà Trịnh Thị Q1 vắng mặt không có lý do nên Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Q và bà Q1.

3. Về yêu cầu của đương sự:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Xét ông Lê Trọng Q yêu cầu ly hôn với bà Trịnh Thị Q1.

Theo lời trình bày của ông Q, quá trình chung sống giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi vã. Vợ chồng đã cố hàn gắn nhưng không có kết quả. Ông Q và bà Q1 đã sống ly thân. Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ nhiều lần nhưng bà Q1 không đến Tòa làm việc chứng tỏ bà Q1 không có mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của ông Q và bà Q1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Q là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- *Về quan hệ con chung:* Ông Q xác định ông và bà Q1 có 03 con chung tên Lê Thị Diễm Q2, sinh ngày 21/02/2011; Lê Thị Hương G, sinh ngày 26/07/2012; Lê Trịnh Quốc Đ, sinh ngày 29/09/2020. Khi ly hôn ông Q yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 03 con chung, Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay 03 con chung đang do ông Q chăm sóc, nuôi dưỡng nên tiếp tục giao 03 con chung cho ông Lê Trọng Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Q không yêu cầu bà Q1 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung:* Ông Q xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội thì ông Lê Trọng Q phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 267, Điều 271, Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015;

- Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57; Điều 81; Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Trọng Q.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Trọng Q được ly hôn với bà Trịnh Thị Q1. Quan hệ hôn nhân của ông Lê Trọng Q và bà Trịnh Thị Q1, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 47 (2010), quyển số 01/2009 do Ủy ban nhân dân phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/3/2010 chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Giao 03 con chung tên Lê Thị Diễm Q2, sinh ngày 21/02/2011; Lê Thị Hương G, sinh ngày 26/07/2012; Lê Trịnh Quốc Đ, sinh ngày 29/09/2020 cho ông Lê Trọng Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với bà Trịnh Thị Q1 cho đến khi ông Lê Trọng Q có yêu cầu.

Khi lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Q1 được quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ), Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do ông Lê Trọng Q chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng ông Q đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0040256 ngày 01/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Q đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[3] Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án

mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ bản án.

[4] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP . HCM;
- VKSND Q. Tân Phú;
- Chi cục THADS Q.Tân Phú;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu VP, hồ sơ (V)./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Viết Hoàng Lâm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận: **TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- Các đương sự;
- TAND TP . HCM;
- VKSND Q. Tân Phú;
- Chi cục THADS Q. Tân Phú;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu VP, hồ sơ (Vi)./.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Viết Hoàng Lâm